

Chuyên đề: Thơ 1954 – 1975

Văn đề 1: CÁC VỊ LA HÁN CHÙA TÂY PHƯƠNG

*“Một câu hỏi lớn. Không lời đáp
Cho đến bây giờ mặt vẫn chau...”*

Huy Cận

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1/ Tám khổ thơ đầu: Là phần hay nhất của tác phẩm.

a. **Mỗi người một vẻ mặt con người**

- Dân tộc chúng ta không những chỉ có trí tuệ trong đánh giặc trong vấn đề cơm ăn áo mặc mà còn lo lắng đến những vấn đề nhân sinh, vấn đề lễ sống. Chính vì vậy mà những nghệ sĩ nhân dân đã tạo nên những pho tượng điển hình, có cá tính riêng biệt, độc đáo.

- Nhà thơ đã đặc tả từng gương mặt, hình hài, dáng dấp của các vị bằng ngôn ngữ giàu chất gợi hình, tác giả biết chọn những chi tiết đắt nhất để gợi cho người đọc nhiều suy nghĩ.

+ Đầu tiên là vị La Hán xương xẩu, gầy mòn, không biết nỗi đau khổ tâm thức nào giày vò mà trước lúc giải thoát vị La Hán này còn bị thiêu đốt, còn trầm ngâm trước cuộc đời.

+ Về với Niết Bàn là thoát khỏi những kiếp sống Luân hồi, thế nhưng vị La Hán thứ hai không có được một phút bình thản để lên cõi Phật cho thanh thản. *“Mắt gương sờ sững; “mày nhú xệch”* có lẽ là chưa kịp giãn ra với *“mắt gương”* còn lưu lại cái giây phút suy ngẫm trước đó. Rồi thì *“môi cong chua chát”* *“trán nổi sóng”*, *“gân vận bàn tay”*... cứ y như cả quá trình sôi động của cuộc đấu tranh giữa thiện ác sinh thời được tái hiện trong một khoảnh khắc trước khi giải thoát.

+ Có vị dường như yên tâm làm tổ trong giáo lí thoát tục của nhà Phật *“chân tay co xếp lại”*. *“Đôi tai rộng dài ngang gối”* trong quan điểm dân gian là chỉ người tài, có địa vị và phúc lộc dồi dào. Ở đây tai rộng là để nghe đủ những chuyện buồn, những giông bão của đời.

+ Những pho tượng tĩnh lặng nhưng chứa chất động của cuộc đời đầy giông bão của chúng sinh trầm luân đau khổ. Dù có phản ứng thế nào, dù cơn bão nội tâm nổi lên cuộn cuộn ra sao thì tất cả cũng bất lực héo mòn, chua chát và thụ động *“đau đớn có cứu được đời đâu”*.

b. *Cuộc họp lạ lùng trăm vật vờ* – Các pho tượng cá thể hóa rất cao nhưng khi tập hợp thành một quần tượng nó lại có một giá trị khái quát hơn. Số phận của những kiếp người đã thành số phận của một thời đại cha ông trần trở, bần khổ nhưng:

*“Một câu hỏi lớn không lời đáp
Cho đến bây giờ mặt vẫn chau”*

- Đây là nỗi đau thương của dân tộc trong *“đêm trường dạ tối tăm trời đất”* của quá khứ. Theo tác giả trong các pho tượng La Hán nó tồn tại trần trở suy tư của dân tộc, của cha ông mình gửi gắm. Cha ông ta đã mượn chuyện Phật mà thổ lộ khao khát vươn tới hạnh phúc tự do và thể hiện niềm đau thương uất hận của mình.

- Thực ra những nỗi đau trần thế ấy như đang ngهنhìn lại, chưa giải thoát được nên nó trào lên đến cực điểm và “*cứ thế mà đông cứng lại ở giữa chừng trời*”, hẳn ghi lại trong từng thớ gỗ.

2/ Phần còn lại: Mang tính chính luận.

- Tác giả tìm sự gách nối giữa quá khứ xưa và hiện tại hôm nay, giữa sự bế tắc và lời đáp, giữa thoát tục và trần tục... và khẳng định cuộc sống hiện tại “*là những ngày đẹp nhất*”. “*giọt lệ cha ông cũng có ích với ta nhiều*”.

“*Cha ông yêu mến thời xưa cũ... đương xuân*”

- Tác giả khẳng định chỉ có thời đại mới với bản chất nhân đạo mới có thể hoá giải những nỗi đau xưa “*xua bóng hoàng hôn, tản khói sương*”.

3/ Hai khổ cuối và một số câu trong đoạn sau còn dằn trải, gò bó, thiếu tự nhiên vì vậỵ tư tưởng của chúng thuyết phục người đọc kém hiệu quả.

B. LUYÊN TẬP

* **ĐỀ 1:** Phân tích nghệ thuật miêu tả pho tượng trong bài “*Các vị La Hán chùa Tây Phương*” của Huy Cận.

*** Bài văn tham khảo**

Chùa Tây Phương là một công trình kiến trúc cổ độc đáo dựng trên núi Câu Lâu. Trong chùa có nhiều pho tượng được tạc với trình độ nghệ thuật cao, tiêu biểu cho điêu khắc Việt Nam thế kỉ XVII, trong đó có mười tám pho tượng La Hán đặt ở nhà hành lang chùa. Và trong những dịp đi tìm hiểu di sản văn hóa dân tộc, Huy Cận đã đến:

“*Các vị La Hán chùa Tây Phương
Tôi đến thăm về lòng vấn vương*”

Huy Cận vấn vương với cái hữu tình của cửa chùa, vấn vương với những bức họa chạm khắc đẹp ư? Hơn thế nữa là những bối hồi, xao xuyến về nhân sinh và một thời đại lịch sử mà xã hội “*quần quai, khổ đau trong những biến động và bế tắc không tìm được lối ra*”.

Có người xem đoạn thơ này là những bức “*điêu khắc bằng lời*” làm sống lại các pho tượng gỗ chùa Tây Phương. Những nghệ nhân vô danh nhưng thiên tài và không dễ ai nhận ra điều ấy. Tất cả những pho tượng gỗ bất động có nét chung: Ai nấy cũng có khuôn mặt đau thương vật vờ, quần quai về thể xác và đầy bão táp trong lòng. Bởi vì cuộc đời họ là điển hình cho hàng ngàn vạn cuộc đời đau thương, đang “*cuồn cuộn chảy dưới trời*” Huy Cận đã nghi ngờ:

“*Há chẳng phải đây là xứ Phật
Mà sao ai nấy mặt đau thương?*”

Bởi vì đến nơi xứ Phật là một nơi yên tĩnh, vĩnh hằng không có bể khổ luân hồi, trong tâm con người không còn lục đục thất tình và sống thanh thản, siêu thoát ở cõi Niết Bàn. Nhưng những pho tượng mà Huy Cận thấy lại khác, lại trĩu nặng những nét đau thương rất người. Ở đoạn sau nữa Huy Cận xác nhận đây là: “*mặt con người*” chứ không nói “*mặt La Hán*”. Có lẽ đây không thật đúng là xứ Phật chăng? Ta không thể phủ nhận như thế mà phải thấy rõ cái độc đáo của những nghệ nhân tạc tượng. Bài thơ nói đến Phật, cõi thoát tục nhưng nó lại đặt ra một vấn đề trần thế. Mỗi bức tượng La Hán nếu nhìn kĩ chính là một loại chúng sinh chứ không là Phật, chính là cuộc đời trần trụi hóa thân vào đấy. Chân dung của những con người đã được bàn tay tài hoa các nghệ sĩ tạc thành những điển hình xuất sắc.

Trong các dáng hình các vị La Hán dường như nói lên số phận cá nhân trong một thời đại “Bóng tối dần ra ngọn khói đen”.

*“Đây vị xương trần chân với tay
Có chi thiêu đốt tấm thân gầy
Trầm ngâm đau khổ sâu vòm mắt
Từ bấy ngồi y cho đến nay”.*

Huy Cận như tạc vào lòng độc giả những đau đớn, vật vã, quần quai, chua xót... Ông như cho ta thấy ấn tượng gầy còm, khô héo bởi đau khổ của pho tượng thứ nhất này bởi vì luôn trần trụi, phải thức không thể thanh thản an giấc được, nỗi đau khổ tâm can từ bên trong dường như phát ra một thứ năng lượng độc hại tiêu hao sinh lực co rút con người lại. Cuộc đời của một nhà tư tưởng chìm đắm trong những suy tư, thấp thỏm đến khô héo cả hình hài. Những nét đặc tả đó hẳn là hiện thân cho những số phận trong cuộc đời thực có rất nhiều đau khổ, tội nghiệp, héo mòn, chua xót và rất muốn cải biến nó đi. Nhà tư tưởng này với những suy nghĩ nung nấu trong tâm can có thể thiêu đốt cả thân xác, cho thấy được con người đó phải là con người có những ý tưởng mạnh mẽ và sâu sắc. Bên cạnh đó ta thấy tuy là tâm linh đang biến động nhưng vị này vẫn “trầm ngâm đau khổ”. Nhà thơ làm nổi rõ được tài năng của nghệ sĩ điêu khắc: dùng cái tĩnh mà nói đến cái động, vừa khắc hoạ ngoại hình cũng đồng thời diễn tả nội tâm.

Sang pho tượng thứ hai, khác với cái bất lực đành yên vị thì pho tượng này bộc lộ ra bên ngoài cái nội tâm giằng dữ, sôi sục đầy suy tư:

*“Có vị mắt giương mày nhíu xệch
Trán như nổi sóng biển luân hồi
Môi cong chua chát, tâm hồn héo,
Gân vận bàn tay mạch máu sôi”*

Huy Cận chỉ cho chúng ta thấy khuôn mặt thòi nhưng tất cả đều bất thường. Khổ thơ với hàng loạt động từ và trạng từ diễn tả những động tác và trạng thái rất căng thẳng, mạnh mẽ. Ấn tượng cho thấy nhà tư tưởng này cũng đang chứng kiến cuộc đời. Những chuyển động của thân thể biểu hiện ngay khuôn mặt: “mắt giương mày nhíu xệch, trán như nổi sóng, môi cong chua chát, gân vận, mạch máu sôi”... Nếu ta chứng kiến có lẽ ta cảm thấy tội nghiệp cho số phận. Tại sao khuôn mặt lại có những đường nét đôn đau như thế? Bởi vì sự dồn nén sôi sục của tâm linh tưởng như muốn phá tung những giới hạn thân xác chịu đựng nó: Một sự trần trụi dữ dội nhưng cũng chẳng thể có một hành động tích cực. “Cầu hỏi lớn” dường như vẫn rơi vào bế tắc, không thể giải thích. Nó rơi vào bi kịch khổ đau.

Ở pho tượng thứ ba, nhà thơ chú ý đến tư thế và một hình hài khác lạ:

*“Có vị chân tay co xếp lại
Tròn xoe tựa thể chiếc thai non
Nhưng đôi tai rộng dài ngang gối
Cả cuộc đời nghe đủ chuyện buồn...”*

Một nhà tư tưởng nữa cũng đang đi tìm lời giải thích nhưng theo một cách khác: Án binh bất động. Trái những pho tượng trên, ở đây con người dường như không có một vận động nào cả, mà bất mình thụ động nhìn cuộc đời và tìm ra cho mình một lời giải đáp. Và vị này có lẽ đã hoàn toàn xa lánh ngoại giới chẳng, đã đạt đến sự tịch liệt, vô cảm?

Khái niệm “*tựa thể chiếc thai non*” rất hay. Ở đây, con người đang muốn trở về với thời hoang sơ của nó. (Jêsu từng nói: “*Ta không cấm các con làm điều ác, nhưng hãy làm cái ác như con trẻ*”. Kinh Thánh, kinh Phật khuyên mọi người hãy sống hồn nhiên, vô tư, không có xung đột thì sẽ có hạnh phúc. Pho tượng thứ ba có ý muốn sống như trẻ thơ nhưng “*mũi ni che tai*” làm sao được? Những nghệ nhân tạc tượng đã đặc biệt diễn tả một đôi tai khác thường “*rộng dài ngang gối*”. Đôi tai quá dài, quá rộng tưởng đầy phúc thọ nhưng lại sống trong thời đại quá ghê gớm, quá nhiều bế tắc nên pho tượng thứ ba lại tiếp tục “*cả cuộc đời nghe đau*” chuyện đau thương. Cố tình muốn tránh nỗi khổ, nhưng càng như thế lại càng nghe những nỗi đau của chúng sinh trong cõi trần gian. Và như thế thì pho tượng này vẫn dẫn dắt với “*Câu hỏi lớn chưa lời đáp*”.

Cả ba pho tượng này đều có sự già y và dữ dội ở tâm linh rồi ren. Tất cả đều tìm những giải pháp để mở cánh cửa cuộc đời “*im ỉm khóa*” nhưng đều bất hạnh:

*“Các vị ngồi đây trong lặng yên
Mà nghe giông bão nổ trăm miền”*

Mỗi vị La Hán có những nét rất riêng là một “*người lạ*” nhưng lại là một người lạ đã quen biết ở xã hội đương thời, xã hội quẩn quại đau khổ trong nhiều biến động và bế tắc không tìm được lối ra. Đây không phải là một cá nhân đau khổ mà là một “*nhân loại*” của một quá khứ đau thương, tụ tập dưới mái chùa này.

*“Mỗi người một vẻ mặt con người
Cuốn cuộn đau thương chảy dưới trời”*

Huy Cận với những cảm xúc mạnh mẽ và trí tưởng tượng phong phú nên nhìn những pho tượng gỗ bất động như là những sinh thể vật vờ đau thương, tâm linh sôi sục. Tác giả cho thấy là cuộc tụ họp của những chứng nhân lịch sử đầy “*lạ lùng trăm vật vờ...*” Ngoài ý muốn nhấn mạnh rằng thánh cũng là người thì câu thơ *Mỗi người một vẻ mặt con người* có lẽ là một nét vẽ hơi thừa. Bởi vì chỉ cần nói *Mỗi người một vẻ ...* là đủ rồi.

Từ những pho tượng này, Huy Cận cảm nhận nỗi khao khát tìm lối ra của cha ông trong thời đại của đêm dài phong kiến với bao số phận bất hạnh, những bi kịch thật nhức nhối. Những bạn đương thời của “*Nguyễn Du*” chắc có lẽ đồng tâm sự với Tố Như tiên sinh.

“Cổ kim hận sự thiên nan vấn”

Huy Cận đã miêu tả các pho tượng với một nghệ thuật quan sát tinh tế và khả năng miêu tả giàu sức gợi hình với bút pháp già dặn, vừa sinh động, vừa cô đúc... Bên cạnh cái độc đáo từ những pho tượng, Huy Cận có gợi gắm những ẩn ý sâu sắc. Ở đây ý đồ chính không lộ liễu, Huy Cận đánh giá mức đau khổ của cha ông, ca tụng thời kì hiện đại, và phần nào tri âm thời đại Nguyễn Du, lắng tiếng lòng nghe sự thổn thức của các bạn của Nguyễn Du cách đây hai trăm năm. Lắng nghe để mà cảm ơn nỗi khổ đau của cha ông xưa:

*“Đất nước mình nghèo hời em yêu
Cho đến những giọt lệ cha ông cũng có ích cho ta nhiều”*

Suy gẫm quá khứ thấy bế tắc của cha ông để chỉ ra rằng thời buổi này ta có Đảng và Đảng mở đường cho một đất nước tự do, tươi đẹp đang chờ ta ra tay xây dựng. Đến đây, vào lúc này chúng ta đã trả lời câu hỏi lớn của cha ông bởi:

“Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?”

Tóm lại nhìn các pho tượng chùa Tây Phương tác giả đã thực sự cảm xúc và gửi niềm suy tưởng sâu xa với sự đồng cảm thật sâu sắc! Và phải chăng Huy Cận đã thấu hiểu

được nổi lòng và ý tưởng của các nghệ nhân tài hoa ngày xưa đã gửi vào những pho tượng được xem như đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc gỗ Việt Nam những tâm sự đến đau lòng. Cha ông ta đã bế tắc đã “*đắm nát bàn tay trước cửa cuộc đời*” mà “*cửa vẫn đóng và đời im ỉm khoá, những pho tượng trong chùa Tây Phương không biết cách trả lời*” (Chế Lan Viên) thì ngày hôm nay, sống trong niềm hạnh phúc mới ta mới thấy giá trị của cuộc sống hiện tại.

“Có phải cha ông thì đến sớm chăng?

Và cháu con thì lại muộn?

Đấu có bay giữa trăng sao cũng mơ được sống phút giây bây giờ

Buổi đất nước Hùng Vương có Đảng

Mỗi người dân đều được thấy Bác Hồ”

(Chế Lan Viên)

* **ĐỀ 2:** Bình giảng một trong các đoạn thơ sau đây”

a. “Đây vị xương trần ... đến nay”

b. “Mặt cúi (...) mặt vẫn chau”

Vấn đề 2: TIẾNG HÁT CON TÀU

“Không ai có thể ngủ yên trong đời chật

Buổi thủy triều vẫy gọi những vầng trăng...”

Chế Lan Viên

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Bài thơ này có liên quan đến sự kiện kinh tế, xã hội vào năm 1958 – 1960, đó là phong trào vận động nhân dân miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi ở Tây Bắc. Mặc dù bài thơ cũng “phục vụ chính trị” nhưng không phải chỉ là minh hoạ. Mà ở đây sự kiện chỉ là một gợi ý để nhà thơ thể hiện khát vọng về nhân dân, đất nước với những kỉ niệm sâu nặng nghĩa tình của nhân dân trong kháng chiến đã qua. Tác giả muốn tìm về ngọn nguồn của hồn thơ.

Bài thơ luôn mới bởi những tình cảm và khát vọng sôi nổi, lắng đọng, những suy ngẫm và cảm nhận về đời sống được kết tinh làm người đọc rung động và thích thú.

Bài thơ nói đến sự trở lại Tây Bắc của trái tim đã gắn bó nhịp đập với vùng đất nuôi dưỡng mình trong kháng chiến. Cho nên cảm xúc rất chân thành. Điệp từ “*mười năm*” (Mười năm Tây Bắc, kháng chiến mười năm, mười năm tròn, mười năm chiến tranh) cùng với điệp từ “*nhớ*” (9 lần) được lặp rất nhiều lần khiến cho bài thơ giàu chất suy tưởng khi ôn lại kỉ niệm và bộc lộ thái độ chân thành khi trở về với Tây Bắc.

Nhưng muốn cảm nhận đúng bài thơ có lẽ phải chú ý đến những từ ngữ, hình ảnh mang tính biểu tượng. Xác đáng nhất có lẽ là “con tàu” và “Tây Bắc”.

Chúng ta biết trong thực tế thì chưa có một đường tàu và con tàu nào lên Tây Bắc cả. Cho nên hiện tượng trong bài là *do tác giả sáng tạo* nên và nó có tính biểu tượng.

“*Con tàu*” chính là khát vọng ra đi, đến với những miền xa xôi đến với nhân dân, đất nước và cũng còn là đến với mơ ước và những ngọn nguồn của cảm hứng nghệ thuật. *Vầng trăng* chính là biểu tượng của cái đẹp, cái thơ và nghệ thuật. Nếu hiểu như trên ta mới không ngỡ ngàng với những câu thơ... “*Tàu đợi những vầng trăng*” “*Tàu gọi anh đi, sao chưa ra đi? Chẳng có thơ đâu giữa dòng đóng khép, tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia*”.

Còn “Tây Bắc” ngoài ý nghĩa là vùng đất cụ thể, nó còn gợi đến những miền đất xa xôi của đất nước, nơi có những kỉ niệm không thể quên của tình người trong kháng chiến, nơi mà cuộc sống nhân dân rất gian lao nhưng nặng nghĩa tình. Nơi ấy đang vẫy gọi ta. Ta có thể hiểu hình ảnh biểu tượng này thông qua bốn câu thơ làm đề từ. Thực tế “*Tây Bắc*” và “*Con tàu*” nó có tính khái quát và vượt lên tính cụ thể.

Tuy nhiên để cho hai hình tượng có tính biểu tượng trên được nhất quán, tác giả còn dùng nhiều hình ảnh có tính ẩn dụ khác nữa tạo nên hệ thống cho bài thơ (*vàng trắng, trái chín, mặt hồng em...*)

B. LUYỆN TẬP

I. Đề bài:

1/ Bình giảng đoạn thơ:

“Nhớ bản sương giăng (...) quê hương”

2/ Bình giảng khổ thơ đề từ để từ đó phân tích bài thơ “Tiếng hát con tàu” của Chế Lan Viên.

II. Bài làm:

BÀI LÀM 1

Nếu Huy Cận là nhà thơ của triết lí. Tố Hữu mượt mà với âm hưởng của những làn điệu trữ tình mà sâu sắc thì Chế Lan Viên lại là một chất giọng lạ táo bạo và đầy trí tuệ. Nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Hạnh đã có lần nhận xét “Thơ Chế Lan Viên vốn dĩ là một người phụ nữ đẹp. Thế nhưng ông ta đeo quá nhiều trang sức vào khiến người ta khó gần, người ta không thấy hết được vẻ đẹp vốn có của nó, chỉ có một ít cá nhân mới tiếp xúc được, thơ ông thường thiên về trí tuệ và giàu chất triết lí, suy tưởng”.

Có thể nói *Tiếng hát con tàu* là khúc hát yêu thương của một tấm lòng hướng về nguồn cội khi đã hóa thân “tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu”. Đặc biệt là đoạn thơ:

“Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ

...

Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”

Trong giai đoạn 1955 – 1964 cùng với Nguyễn Khải, Nguyễn Tuân, Tô Hoài... Chế Lan Viên thức tỉnh khỏi kiếp “*sống hờ*”, “*thoát tục*”, “*vui cùng trăng gió, ngủ cùng sao*”, hòa mình vào nhịp sống chung của dân tộc trong những ngày đầu sơ sinh của đất nước. Nhà thơ ý thức rõ nhiệm vụ của người cầm bút và hướng tới cuộc sống mới bằng một tâm hồn khát khao mãnh liệt qua *Tiếng hát con tàu*.

Cùng với nỗi nhớ nỗi khát khao về Tây Bắc: “*Xứ thiêng liêng rừng núi hóa anh hùng*”, những kỉ niệm ngày nào về tình nghĩa dân quân cả nước lại được sống dậy trong tâm tư tác giả. Nhà thơ nhớ “*thằng em liên lạc*”, “*người anh du kích*”, nhớ mẹ: “*Năm con đau mẹ thức một mùa dài*”. Nhân dân được hiện ra trong quầng sáng ấp áp của nghĩa tình ruột thịt, đây là những người anh với “*chiếc áo nâu suốt một đời vá rách*”, những người mẹ “*lửa hồng soi tóc bạc*” đã hết lòng cứu mang đùm bọc chở che tác giả trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến. Những người mẹ, người anh không là “*núm ruột rút ra*”, nhưng tấm lòng của nhân dân đáng quý đáng trọng đến dường nào!

Có thể ta mới thấy được tình cảm tha thiết mà nhà thơ dành cho nhân dân đúng hơn là dành cho Tây Bắc.

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ

Nơi nào qua lòng lại chẳng yêu thương

Vẫn những giọng điệu rất quen đây gọi cảm và của suy tưởng, câu thơ ngỡ như rất lạ mà vẫn đậm đà nỗi nhớ về Tây Bắc. Phải rồi chỉ ở Tây Bắc mới có “*bản sương giăng*”, có “*đèo mây phủ*”. Nỗi nhớ từ những hình ảnh cụ thể từ những người mẹ, người anh, những đứa em xa lạ mà gần bó tựa ruột rà được khái quát và bất ngờ nhân lên thành một chân lí:

Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn

Có lẽ trong những chân lí của đời thường, đây đúng là một chân lí dung dị và sâu sắc nhất. Nhẹ như không “hình tượng thơ trong đoạn thơ trên đã vận động từ cảm xúc đến suy tưởng. Từ những tình cảm nhớ thương mảnh đất con người, tác giả đã nâng cảm xúc lên thành một suy nghĩ. Ranh giới giữa cảm xúc và suy nghĩ đã bị vượt qua nhẹ nhàng làm cho câu thơ vừa rung động về cảm xúc vừa lắng sâu suy nghĩ”. (Hà Minh Đức)

Thật vậy đoạn thơ trên có cái gì đó thật mông lung, mơ hồ như một thứ trái chín đỏ lấp ló giữa vườn xanh gọi cho ta biết bao háo hức, suy tưởng. Người đọc như cùng chung dòng tâm tưởng của nhà thơ nhớ về những miền đất đã qua và đã sống, nhớ về những con người tuy “*không phải hòn máu cốt*” nhưng “*trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi*”. Phải chăng chính sợi dây nghĩa tình ấy đã làm sống lại mảnh đất ngỡ như vô tri mà:

“Khi ta ở đất chỉ là nơi đất ở”

Chính nghĩa tình sâu nặng dân quân đã hóa thân vào mảnh đất khiến cho nó cũng có tâm hồn.

“Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn”

Viết về nỗi nhớ không chỉ có Chế Lan Viên, Tố Hữu cũng đã từng hướng về Việt Bắc với tấm lòng của đứa con xa:

“Nhớ gì như nhớ người yêu

Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương

Nhớ từng bản khói cùng sương

Sớm khuya bếp lửa người thương đi về

Nhớ từng rừng nứa bờ tre

Ngòi Thia, Sông Đáy, suối Lê vơi đầy...”

(Việt Bắc)

Phong cách quen thuộc của Tố Hữu là hay tả cảnh để gợi tình. Ông tả cảnh núi rừng Việt Bắc như muốn khơi lại những tình cảm lưu luyến ngày xưa với vùng rừng núi chiến khu. Còn với Chế Lan Viên thì từ những hoài niệm về Tây Bắc, nhà thơ của trí tuệ đã đúc kết, chiêm nghiệm được cho mình một chân lí rất riêng:

“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn”

Mạch thơ đang vận động một cách đều đặn theo dòng suy tưởng đột nhiên bị chặn đứng lại bởi nỗi nhớ “bỗng” tràn về. Nhà thơ dành hẳn một đoạn thơ để viết cho “em”:

“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương”

Đoạn thơ như một nốt đệm rất lạ sang ngang dòng tâm tưởng. Vâng, lạ ngay từ câu đầu:

“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét”

Người ta hay dùng từ “*bỗng*” để chỉ những gì xảy ra đột ngột và bất ngờ. Thế mà ở đây “*anh*” chỉ vừa “*bỗng nhớ em*” mà nỗi nhớ đã được định hình khá sâu sắc: “*đông về nhớ rét*”. Câu thơ dường như có cái gì đó phi logic nhưng vẫn rất đúng với logic của tình yêu. Ai đó đã nói “*tình yêu biến thiên như một hàm số*” có lẽ đúng! Nhà thơ đưa ra một loạt so sánh về tình yêu giữa anh và em như “*đông về nhớ rét*” như “*cánh kiến hoa vàng*” như “*xuân đến chim rừng lông trở biếc*”. Giữa muôn vàn định nghĩa về tình yêu phải chăng Chế Lan Viên đang tìm cho mình một định nghĩa mới về tình yêu? Tình yêu là thế đó phải chăng nhà thơ đang định nghĩa tình yêu thông qua những so sánh táo bạo đầy bất ngờ. Và cũng chính sự so sánh linh động ấy đã tạo nên một giá trị mới trong vô vàn cách nghĩ về tình yêu. Với câu thơ tưởng chừng như rất ngô nghê:

“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét”

Nhưng rõ ràng câu thơ có một sự so sánh đầy gợi cảm về bản chất của mùa đông là giá rét. Có rét mới là tiết đông, nhất là mùa đông Tây Bắc. Do đó, nếu anh có em, anh mới tìm được chính mình. Và nếu không có em, anh không phải là anh.

Hơn nữa cái giá rét còn gợi đến nhu cầu cần có nhau:

“Cái rét đầu mùa anh rét xa em

Đêm nay lạnh chăn chia làm hai nửa

Nửa đắp cho em ở vùng biển lạnh

Nửa đắp cho mình ở phía không em”

Tình yêu đến bất ngờ đã trở nên sâu thẳm chỉ “*bỗng*” nhớ thôi mà nỗi nhớ đã thiết tha như thật. Và cái giây phút “*bỗng*” ấy đã giúp họ tìm thấy nhau và tìm thấy chính mình. Dưới mắt ta, tình yêu bỗng hiện ra lung linh sắc màu, giản dị mà thiêng liêng đến nhường nào. Theo nỗi nhớ của tình yêu, Chế Lan Viên triết lí lúc nào ta chẳng hay:

“Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”

Thật giản dị mà cũng thật sâu sắc, thì ra trong tình yêu riêng dành cho em còn có cả tình yêu đối với quê hương đất nước. Và chúng ta cũng chợt nhận ra rằng càng biết yêu thương những điều riêng tư, ta càng yêu quê hương tha thiết hơn.

Đến đây ta chợt nhận ra mạch vận động của bài thơ thật đặc biệt; như trăm sông đổ về biển cả, mạch cảm hứng luôn luôn vẫn hướng về nhân dân và đất nước.

Những vần thơ đẹp nhất là những vần thơ viết về tình yêu, về quê hương đất nước. Riêng bài “*Tiếng hát con tàu*” có thể nói Chế Lan Viên đã rất thành công với tình cảm trong sáng, chân thành, tha thiết được thể hiện qua trí tưởng tượng phong phú và khả năng liên kết, sáng tạo táo bạo, bất ngờ.

BÀI LÀM 2:

“Tu... oa...Tu...oa”. Một tiếng còi tàu ngân dài trong sương sớm. Thôi thúc. Giục giã. Một chuyến tàu nữa lại ra đi... Ô hay ! những con tàu, những “*Tiếng hát con tàu*”. Đây đây trong không gian tĩnh mịch bỗng vang lên những vần thơ tự tình.

“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hóa những con tàu

Khi Tổ Quốc bốn bề lên tiếng hát

Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu”

Tây Bắc, một địa danh có lẽ không mấy xa lạ đối với mỗi chúng ta. Nó là miền Tây của Tổ quốc, nơi có địa danh chiến trường Điện Biên Phủ nổi tiếng. Nơi đây còn là khát vọng của những ai muốn “*cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu*” với nhân dân cần lao.

“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc”

“Thật là Tây Bắc đấy ư? Không ! Đâu chỉ riêng gì Tây Bắc. Lạ lùng thay ! Một sự thật lại thoáng chút nghi ngờ? Tại sao vậy? Có gì khó hiểu đâu! Vẫn là Tây Bắc đấy thôi nhưng bây giờ không phải là một “Tây Bắc chìm trong biển máu” như thuở nào. Tây Bắc ngày nay đang cuộn cuộn nhịp sống mới dựng xây Tây Bắc, Tây Bắc nơi đang treo lơ lửng những mùa trăng, những trái trăng chín vàng. Tây Bắc chính là Nhân Dân, là Đất Nước, là suối nguồn của sự sáng tạo nghệ thuật. Tây Bắc là nơi ẩn chứa những đề tài bao la. Tây Bắc, nơi ấy có biết bao kỉ niệm và tình người trong kháng chiến. Tây Bắc, muôn ngàn sợi nhơ sợi thương vấn vương lòng người... Tây Bắc có tất cả những gì anh cần. Vậy thì tại sao anh không đến với Tây Bắc đi? Những con tàu kia đang ngược luồng tìm về Tây Bắc, tại sao anh lại chẳng “*hóa những con tàu*”. “*Khi lòng ta đã hóa những con tàu*”? Vâng. Khi ấy sẽ chẳng có gì cản nổi bước chân anh. Khi ấy đối với anh đâu đâu cũng là Tây Bắc. Và kia “*khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát*” thì tâm hồn anh đó, tâm hồn anh chính là Tây Bắc “*chứ còn đâu*”. Anh hãy đến với Tây Bắc đi, đến với người mẹ lớn của dân tộc. Chắc chắn nơi ấy anh sẽ gặp lại chính mình, một con tàu xuôi ngược với những chuyến ra đi. Lòng anh là con tàu, lòng anh cũng muốn ra đi, muốn vượt ga này, qua ga khác để lao vào biển lớn cuộc đời. Tây Bắc đó, hồn anh đó. Lên Tây Bắc thật ra là anh đang trở về với hồn mình đấy thôi!

“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hóa những con tàu”

Câu hỏi không lời đáp ấy phải chăng là một lời tự chất vấn chính mình? Tự như khi nhắc đến sóng là nhắc đến muôn vàn gợn sóng lấp lánh, nhắc đến trăng là nhắc đến triệu sao óng ánh trên trời, thì đây, nhắc đến con tàu là nhắc đến một chuyến đi xa. Đi để khám phá những khung trời mới.

“Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát”

Tổ quốc lên tiếng hát hay chính lòng anh đang ca khúc hân hoan? Đất nước giờ đã “*thay áo mới*”, mọi người náo nức bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước, quê hương. Lẽ nào anh lại ngây người ra đó. Đọc đoạn thơ ta vừa vui sướng vừa ngỡ ngàng. Không còn đâu nữa bóng dáng một thi sĩ lãng mạn than khóc dưới tháp Chàm đổ nát, trước những bức tượng vũ nữ người Chàm đã hoen ố rêu phong. Đã qua rồi một thanh niên mười bảy tuổi với mắt nhìn oán hận “*Mang chi xuân đến gọi thêm sầu*”. Rũ bỏ lớp vỏ uỷ mị yếu mềm, Chế Lan Viên đã thực sự sống với chính mình:

“Con tàu lên Tây Bắc anh đi chẳng

Bạn bè anh đi anh giữ trời Hà Nội

Anh có nghe gió ngàn đang rũ gọi

Ngoài cửa ô? Tàu đôi những vắng trăng”

Nếu bạn có dịp nào đó đến với “lâu đài thơ” Chế Lan Viên trong giai đoạn đổi đời sau này bạn sẽ bắt gặp hình ảnh đất nước – một Tây Bắc thu nhỏ hết sức thú vị – Khái niệm Tây Bắc ở đây bao gồm cả quá khứ, hiện tại. Tây Bắc còn là Tổ quốc, giang sơn, là “*Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào*”. Tây Bắc đang mời gọi con người đến với nó, chiếm lĩnh

nó... Hình như vắng vắng đâu đây lời một nghệ sĩ “có một con tàu lên Tây Bắc, anh đi chẳng con tàu của tôi đang “đói những vắng trắng” và tôi đã ra đi rồi. Còn anh, tâm hồn của chính anh gọi anh đi, anh có đi không? Có những tâm hồn họ đang muốn mở rộng để đến với Tây Bắc, riêng anh thì sao? Bạn bè của những nhà văn, họ đã lên đó rồi. Thế mà anh, anh lại chỉ giữ một góc trời nhỏ bé, anh cứ khư khư ôm lấy Hà Nội “hào hoa”. Anh có biết đâu ngoài cửa ô anh ở ;những cái đẹp, cái thi tứ, cái đề tài mà anh không có đang vẫy gọi anh. Anh là người sáng tạo nghệ thuật, anh ý thức được rằng “không có thơ giữa lòng đóng khép” thế thì đất nước mênh mông chờ đợi trên kia sao anh chưa ra đi? Lời trách móc cứ mãi thì thầm, nhẹ nhàng rồi đột ngột chuyển sang một lời mời gọi hay đúng hơn là một lời khuyên.

*“Đất nước mênh mông đời anh nhỏ hẹp
Tàu gọi anh đi sao chưa ra đi
Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép
Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia”.*

Như vậy, vẫn có một cái nút giúp chúng ta hiểu về chủ thể trữ tình. Tâm hồn anh cũng muốn ra đi, muốn về với Tây Bắc. Khao khát được về Tây Bắc để nghe Tổ quốc “*bốn bề lên tiếng hát*”, để được nghe “*mùa nhân dân giãng lúa chín rì rào*”... Rồi nhận được lời mời thống thiết, anh đã quyết định trở về.

*“Ôi kháng chiến! Mười năm qua như ngọn
Nghìn năm sau còn đủ sức soi đường
Con đã đi nhưng con cần vượt nữa
Cho con về gặp lại mẹ yêu thương”*

Vậy là... cuối cùng anh cũng đã được về với quê xưa, được tận hưởng cái hạnh phúc ngọt ngào khi triu mến gọi hai tiếng “*Tây Bắc*”. “*Mười năm qua như ngọn lửa*” hòa mình và nhỏ máu trên mảnh đất quê hương, họ Chế đã gửi ở nơi ấy bao niềm thương, nỗi nhớ. Xa Tây Bắc, giờ lại lên với Tây Bắc, phải chăng đó là hạnh phúc tuyệt vời nhất. Hạnh phúc đó đã hơn một lần được họ Chế nhắc đến trong một bài thơ khác:

*“Ôi cái thuở lòng ta yêu Tổ quốc
Hạnh phúc nào không hạnh phúc đầu tiên”*

Hạnh phúc đầu tiên khi được khoác lên người màu áo thư sinh nho nhã đã được Thanh Tịnh miêu tả xuất thần trong một “*ngày đi học*”. Hạnh phúc đáng nhớ của tình yêu trong:

*“Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy
Ngàn năm hồ dễ mấy ai quên”*

Khuấy động không ít trong thơ Thế Lữ, Xuân Diệu... Hạnh phúc vĩnh hằng ngày Chúa sáng thế, nỗi niềm khao khát của con người mong gặp Chúa đã được nhắc nhiều trong “*Thánh vịnh*” hạnh phúc buổi đầu gặp lại Nhân Dân được họ Chế vẽ lại bằng những nét bút kì ảo tuyệt vời:

*“Con gặp lại nhân dân như nai suối cũ
Cổ đón giêng hai chím én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”*

“Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi?”

*Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ
Tàu hãy vỗ dùm ta đôi cánh vội
Mắt ta thêm mái ngói đỏ trăm ga”.*

Độc đáo thay! Mở đầu bằng một câu hỏi và kết thúc lại là một khúc thức mắc hay đúng hơn là một sự băn khoăn: Đất nước đang gọi ta hay chính lòng ta đang gọi ta? Câu trả lời là không cần thiết. Vì tất cả chúng ta đều biết rằng đất nước, nhân dân và tác giả đã hòa làm một; tuôn chảy thành bản tình ca yêu thương, khát vọng và đầy mộng tưởng.

*“Ai dám bảo con tàu không mộng tưởng,
Mỗi đêm khuya tàu không uống một vầng trăng”.*

Bài thơ ngân lên giai điệu của bản giao hưởng, cuốn con người về với kỉ niệm, về với tình người... và kết thúc với một lời thôi thúc, một khúc hát lên đường...

C. TỬ LIÊU

Trước cách mạng chúng tôi có đi nhưng thực tế không vào. Thấy phong cảnh, núi sông, trăng gió, phố phường, nhưng cái thực tế là nhân dân thì không thấy “*Nhân dân ở quanh ta mà ta chẳng thấy*”, hay thấy rất mơ hồ, có khi sai lệch.

Nhưng bây giờ đi vào thực tế, chính là đi vào Tổ quốc, đi vào nhân dân, và thấy rõ nhân dân đang làm ra lịch sử. Thấy rõ nhân dân đang cứu sống cả sinh mạng của chính mình.

“Chúng tôi yêu trang giấy, nhưng còn yêu hơn nữa cái ở đằng sau trang giấy, yêu những con người”.

(*Chế Lan Viên*)

Văn đ. 3: SÓNG

*“Em trở về đúng nghĩa trái tim em
Là máu thịt đời thường ai chẳng có
Vẫn ngừng đập lúc cuộc đời không còn nữa
Nhưng biết yêu anh cả khi đã chết rồi.”*

Xuân Quỳnh

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1/ Biển, sóng ... là những đối tượng của thiên nhiên. Sự to lớn, huyền ảo trong sự vận động không ngừng nghỉ và khả năng tồn tại Vĩnh Hằng như vũ trụ đã làm cho nó có khả năng diễn đạt được khái niệm tình yêu: Một phạm trù “*biển ảo như hư vô, như là rất thực*” một mơ ước mà con người gửi gắm: “*Sau khi anh chết rồi, tình yêu còn mãi mãi*”.

Ở khổ một Xuân Quỳnh đã phát hiện tính đối cực trong một chính thể: Ngày và đêm, buồn vui, dữ dội và êm dịu, ồn ào và lặng lẽ của “*sóng*”. Đây chính là tâm hồn đang yêu tự nhận thức về những biến động khác thường của lòng mình và nó khao khát được ra biển mênh mông để giải thích trạng thái không bình thường nhưng vốn dĩ rất thường ấy khi “*nỗi khát vọng tình yêu*” là “*bồi hồi trong ngực trẻ*”.

Cứ như một câu chuyện cổ tích: Con sóng ở một nơi nào đó trên đất liền, nó không lý giải được bản chất của mình, nó tìm ra biển lớn, sau đó nó lại tìm về với bờ để thoả nỗi khao khát của nỗi nhớ.

Nỗi nhớ rất “*con gái*” nhưng cũng rất mãnh liệt, nó dễ thương hồn hậu nhưng đậm sâu nghĩ suy chín chắn: “*em nghĩ về biển lớn*”. Nỗi nhớ ấy thao thức trong thời gian : “*Dẫu*

xuôi về phương bắc, Dẫu ngược về phương nam” và nó có một phương định hướng khá lạ “*Hướng về anh một phương*”Nổi nhớ ấy có nhiều cấp độ nhiều cung bậc nó có thể biểu lộ ra hoặc đắm sâu như: con sông “*dưới lòng sâu*” hoặc “*trên mặt nước*”.

- “*Ở ngoài kia đại dương*” không chỉ một con sông riêng tư mà “*trăm ngàn con sông*” trong quần thể sông cũng đã điệt nhớ bờ, cũng hy vọng mãnh liệt sẽ vượt qua mọi thử thách nghiệt ngã: “*con sông nào chẳng tới bờ. Dù muôn vời cách trở*”. Chính vì thế, mà cái riêng, khi tan trong cái chung nó trở thành bất tử, chủ thể trữ tình mơ ước: “*Làm sao được tan ra ... còn vỗ*”.

- Có những câu thơ mộc mạc dễ thương như sự bối rối của trẻ con:

- “*Sóng bắt đầu từ gió... khi nào ta yêu nhau.*” Càng tìm hiểu tình yêu bằng cách truy nguyên cội rễ để giải thích thì tình yêu càng khó nắm bắt và độ chính xác là cách hiểu đúng đắn nhất.

- Có những lúc hình ảnh trường dụ “*Sóng*” đã không thể chứa đựng hết cảm xúc trong lòng, nhà thơ xuất hiện xưng “*em*” và gọi “*anh*”.

Lòng em nhớ đến anh,

Cả trong mơ còn thức.

2/ Những câu thơ cuối như chùn xuống sâu lắng; khi nghĩ đến nỗi khát vọng tình yêu tuổi trẻ sẽ bị quy luật nghiệt ngã của thời gian đào thải. Niềm hạnh phúc gắn với âu lo khắc khoải.

Nhà thơ mơ ước được sống vĩnh hằng khi hóa thân thành sóng “*Giữa biển lớn tình yêu*” bất chấp dòng chảy của thời gian “*Để ngàn năm còn vỗ*”. Trong bài “*Biển*” của Xuân Diệu, các phạm trù thời gian vĩnh cửu cũng được ông nhắc nhiều như thể hiện một nỗi khát khao để cho thời gian lưu cữu mãi mãi tình yêu.

B. LUYỆN TẬP:

Đề 1: Qua bài thơ *Sóng*, về đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu được thể hiện như thế nào? (2đ)

Đề 2: Bình giảng bài thơ “*Sóng*” của Xuân Quỳnh (5đ)

*** GỢI Ý TRẢ LỜI:**

Đề 1:

Qua bài thơ *Sóng*, ta có thể cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu. Người phụ nữ ấy mạnh bạo, chủ động bày tỏ những khát khao yêu đương mãnh liệt và những rung động rạo rực trong lòng mình. Người phụ nữ ấy thủy chung, nhưng không còn nhần nhục cam chịu nữa. Nếu “*sóng không hiểu nổi mình*” thì sóng dứt khoát từ bỏ nơi chật hẹp đó để “*Tìm ra tận bể*”, đến cái cao rộng, bao dung. Đó là những nét mới mẻ “*hiện đại*” trong tình yêu.

Tâm hồn người phụ nữ đó khao khát, không yên lặng. “*Vì tình yêu muôn thuở – có bao giờ đứng yên*”(Thuyền và Biển).Nhưng đó cũng là một tâm hồn thật trong sáng, thủy chung vô hạn. Quan niệm tình yêu như vậy rất gần gũi với mọi người và có gốc rễ trong tâm thức dân tộc.

Đề 2:

Nếu như Xuân Diệu đã từng thổn thức vì tình yêu, dâng hiến trọn đời cho tình yêu, chạy vội với thời gian để được yêu thì Xuân Quỳnh cũng thế, cũng từng thấp thỏm, lo âu, đau khổ vì yêu. Nhưng dù sao đi nữa, là phận nữ nhi nên người rất ít tỏ ra táo bạo, quá mạnh

đạn như Xuân Diệu. Đọc thơ Xuân Quỳnh, ta thường bắt gặp hình ảnh con sóng, chiếc thuyền nói hộ tình yêu... Cũng vì lẽ ấy, suy cho cùng đây chỉ là những chất liệu dung dị, bình thường nhất trong cuộc sống song lại chứa đựng biết bao là ẩn ý, biết bao là ẩn tình mà Xuân Quỳnh muốn bày tỏ.

Chúng ta đã đến với “sóng” của Xuân Quỳnh để thưởng thức từng vị thương, vị nhớ của một người phụ nữ đang yêu.

Người ta thường ví rằng tình yêu là một bông hoa kì diệu! Vâng! Quả đúng như thế, tình yêu chưa bao giờ đi theo một hướng xác định. Cũng có lúc, người ta nhìn nhận tình yêu là cây đàn muôn điệu gảy lên muôn bản nhạc tình, có khi trầm bổng thiết tha, có khi nghẹn ngào đau đớn, cũng có khi e ấp, nũng nịu, dễ thương. Thì đây, trong bài thơ này, tình cảm của nhân vật “Em” cũng biến thiên như thế!

“Sóng” là thơ ngụ ngôn, một thể thơ rất phù hợp để kể về một huyền thoại tình yêu đầy ăm ắp những tâm trạng khắc khoải, những cung bậc tình cảm và vì thế bài thơ dễ dàng được phổ nhạc.

Sóng! – là một hình tượng ẩn dụ, là phương tiện bộc lộ tình cảm của nhân vật “Em”:

*“Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sóng không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể*

*Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
... Bồi hồi trong ngực trẻ”*

Một câu chuyện cổ tích về tình yêu được nhà thơ Xuân Quỳnh kể lại. Câu chuyện bắt đầu từ một con sóng nhỏ chẳng biết xuất phát từ đâu, sóng hiện ra như một con người có nội tâm nhiều biến động. Hai trạng thái tâm hồn đối lập nhau, giằng xé nhau, buồn vui lẫn lộn. Sóng chẳng hiểu tại sao mình lại cứ “dữ dội” rồi “dịu êm”, “ồn ào” rồi “lặng lẽ”. Phải chăng sóng đang yêu, yêu âm thầm, lặng lẽ? Vâng! Một tình cảm đang rạo rực trong trái tim người con gái, làm sao ai có thể “định nghĩa được tình yêu”. Một buổi chiều mộng? Một lần gặp gỡ? Một phút xao động trong tâm hồn? Người con gái hay chính nhân vật “Em” trong bài đang cố tìm câu giải đáp cho tình yêu, cho sự băng khuâng, đối lập của lòng mình. Và rồi chỉ còn một lối thoát: con sóng phải tìm ra tận bể cũng như “Em” đi tìm nguồn gốc của tình yêu.

Tâm hồn con người là một cõi mênh mông vô tận. Làm sao ta có thể đi xuyên suốt hết cái cõi vô tận ấy. Và ngay chính trong lúc cõi lòng đang bùng lên ngọn lửa yêu thương thì cô gái trẻ lại càng trầm trở, băng khuâng, khắc khoải, dần vật vờ chính lòng mình. Phải vượt khỏi cái giới hạn chật hẹp này, phải lao mình vào chân trời bao la, những miền vô tận để hiểu rõ lòng mình. Con sóng đã rời bờ ra đi, đi thật xa, cố tìm hiểu và soi mình với những con sóng khác để biết được sự huyền diệu của tình yêu, mà hiện tại đối với sóng vẫn còn là một bí mật.

Tình yêu là gì ư?

Một nhà thơ Pháp đã từng khẳng định: “tình yêu là điều mà con người không thể hiểu nổi”. Và thế rồi con sóng vẫn đi tìm mãi, tìm mãi:

*“Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ”*

Tình yêu cũng như con sóng, vẫn vĩnh hằng với thời gian và tuổi trẻ. Xuân Diệu đã từng nói:

*“Hãy để trẻ con nói cái ngon của kẹo
hãy để tuổi trẻ nói hộ tình yêu”*

Tình yêu gắn liền với tuổi trẻ. Tuổi trẻ là trái tim dào dạt, đa cảm và rạo rực niềm yêu thương chất sống. Chính vì thế, mà cái khát vọng tình yêu cứ *bồi hồi trong ngực trẻ*, nó cứ thúc đẩy tuổi trẻ đi tìm chân lý yêu đương, cũng như con sóng “*ngày xưa và ngày sau vẫn thế*”. Tuy nhiên, câu thơ “*bồi hồi trong ngực trẻ*” là một câu thơ chưa chín. Thật ra ngực trẻ hay ngực già... đều nồng nàn và bồi hồi trước tình yêu. Song, sóng và em cứ tìm mãi mà chẳng hiểu mình, chẳng thể hiểu được tình yêu. Sóng chính là điển hình của sự nhận thức về cái “*quy luật*” không thể cắt nghĩa được tình yêu:

*“Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau”.*

Sóng bắt đầu từ gió – Vâng! Gió bắt đầu từ đâu? Tình yêu bắt đầu từ đâu? – “Em” cũng không biết nữa. Đọc những câu thơ này, ta chợt hình dung cái lắc đầu nhẹ như một sự bất lực của cô gái. Trong khi người con gái cố đi tìm cội nguồn tình yêu thì tình yêu trở thành trò chơi ú tim, không tài nào nắm bắt được. Và thế là, muôn đời tình yêu vẫn là *sự bí hiểm*.

Tình yêu của “Em” giờ đây trở thành nỗi nhớ da diết, giày vò. Nó choáng đầy cả không gian, nó chiếm cả tầng sâu và bề rộng, nó trải dài trong mọi thời gian. Phạm Đình An đã nhận xét: “Tình yêu trong thơ Xuân Quỳnh không dừng lại ở mức độ yêu buổi đầu giản đơn hò hẹn, non nớt, ngọt ngào, mà là tình yêu hạnh phúc, tình yêu gắn bó với cuộc sống chung với nhiều đòi hỏi ở chiều sâu tình cảm, với nhiều chứng minh của thử thách, mang đậm dấu ấn trách nhiệm”. Chính vì thế mà tình yêu của người “Em”. Ở đây có thể nói không còn bông bột mà khá chín chắn, có sự can thiệp của lý trí, có ý thức về mặt tình cảm. Ấy thế mà trong lòng người con gái vẫn trĩu nặng mãi liệt một nỗi nhớ muôn hình, muôn sắc:

*“Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được”*

Nỗi nhớ của “Em”, của tình yêu dữ dội được khởi đầu từ những cái cao cả lớn lao, không tụt xuống và tầm thường chút nào! Nỗi nhớ ấy da diết, cuốn lấy tâm hồn người con gái! Với Xuân Quỳnh là thế: mọi con sóng đều có bờ, mục đích là *vỗ vào bờ*, nên khi sóng xa bờ thì phải nhớ bờ, ngày đêm không ngủ được.

Cũng như sóng, nỗi nhớ về “Anh” vẫn dào lên mãi liệt:

*“Lòng em nhớ đến – Anh
Cả trong mơ còn thức”*

Tình yêu đến, tình yêu mang theo một nỗi nhớ vô bờ đến với “Em”, choáng ngợp tâm hồn “Em”. Tình yêu đã trở nên đậm đà đến thế, và nỗi nhớ lại càng da diết miên man.

“Có không gian nào dài hơn chiều dài nỗi nhớ, có một khoảng mệnh mông nào sâu thẳm hơn tình yêu...”. Vâng! Làm sao do được nỗi nhớ, làm sao do được tình yêu! “Em” vẫn nhớ đến “Anh”, chỉ nhớ về phương anh mà thôi:

*“Đầu xuôi về phương Bắc
Đầu ngược về phương Nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh một phương”.*

Tình yêu thật huyền diệu! Điều đáng nói là “Em” biết chủ động, biết gửi trao nỗi nhớ về hướng xác định: Phương anh! – Phương của tình yêu: “*rợp trời thương ấy mấy màu xanh suốt, mà em nghiêng hết ấy mấy về phương anh, mà em nghiêng hết ấy mấy về phương anh...*”. Tình yêu của người phụ nữ thật mãnh liệt nhưng cũng thật trong sáng, dung dị, một tình yêu thủy chung và trọn vẹn. Song, để toàn vẹn mỗi tình ấy, con sóng phải vượt qua muôn ngàn cách trở:

*“Ở ngoài kia đại dương
Trăm ngàn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vời cách trở”*

Con sóng muốn tới bờ, phải vượt qua bao giông tố, bão bùng. Em muốn hướng về anh, phải vượt qua bao chạm bẩy cuộc đời. Suy cho cùng, tình yêu phải cần thử thách tôi luyện mới thấy rõ giá trị thực sự của nó. Tình yêu muốn tồn tại cũng phải có sự ra đi và trở lại, phải có sự dỗi lên, lắng xuống để cuối cùng trở về với tình yêu hồn nhiên thuở đầu.

Chính tình yêu của anh đã giúp cho em vượt qua tất cả, đón nhận một tình yêu vĩnh cửu – tình yêu lớn lao và cao thượng, không mang màu sắc vị kỉ, riêng rẽ mà là hoà trong cái chung và ở trong cái chung mệnh mông ấy, cái riêng sẽ tồn tại mãi mãi:

*“Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ”*

Tình yêu sẽ trưởng thành đậm thắm hơn và sẽ vĩnh hằng trong cái đẹp của tạo hoá.

Bài thơ kết thúc rồi mà nhịp điệu êm ái, nhẹ nhàng của tình yêu vẫn còn vương đọng đầu dây. Bài thơ thành công không chỉ trong việc miêu tả hình tượng “*Sóng*” mà còn bộc lộ một tình yêu thật sôi nổi, nổi khao khát tình yêu của một nhà thơ nữ. Đây chính là nét mới mẻ trong thơ ca hiện đại Việt nam. Trong rất nhiều loài hoa thì bông hoa Xuân Quỳnh tỏa ra một hương thơm riêng, một cách cảm nhận riêng về sóng – biển trong tình yêu. Tình yêu như con sóng mệnh mang, vô tận, song cái đích cuối cùng cũng là một tình yêu thứ nhất, vĩnh hằng mãi mãi.

Vấn đề 4. ĐẤT NƯỚC

“Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc,
 Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm
 Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi
 Chẳng mang một dáng hình, một ao ước
 một lối sống ông cha.....”

Nguyễn Khoa Điềm

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1/ Tìm hiểu về bài thơ:

- Tác giả tiêu biểu cho thế hệ các nhà thơ trẻ của những năm chống Mỹ. Trong thơ của họ nổi bật ý thức tuổi trẻ, vai trò và trách nhiệm của mình trong thời đại và đặc biệt là sự nhận thức của họ đối với đất nước với nhân dân và với cuộc kháng chiến của dân tộc.

- Chủ đề “*Đất nước*” bao trùm trong thơ Việt Nam 1945-1975. Tuy nhiên, bài thơ này được viết trong thời kỳ chống Mỹ nên nó mang dấu ấn của một thời với cách nhận cảm của thế hệ trẻ qua chính những trải nghiệm trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Cốt lõi của những bài thơ này là tư tưởng nhân dân đã chi phối toàn bộ những cảm hứng chủ đạo cũng như câu từ và hình tượng thơ.

- Vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ hàng loạt các trường ca ra đời. Điểm khác biệt là các tác phẩm này không dựa vào cốt truyện tự sự mà nó viết theo sự vận động ý thức của tác giả. “*Mặt đường khát vọng*” là sự thức tỉnh của thanh niên trí thức thành thị Miền Nam trước hiện tình của đất nước. Họ nhận rõ kẻ thù, ý thức về đất nước về nhân dân đồng thời đề ra trách nhiệm cho thế hệ là phải đứng dậy tranh đấu.

Bài thơ này là sự cảm nhận, phát hiện về đất nước trong cái nhìn tổng hợp và toàn vẹn, nó mang đậm tư tưởng nhân dân. Bài thơ đã sử dụng các yếu tố của văn hóa, văn học dân gian một cách sáng tạo và rất thích hợp với tư tưởng nhân dân của tác phẩm.

2/ Phân thứ nhất:

+ *Bốn câu thơ đầu* viết dài ra những câu văn xuôi êm ả, như lời kể chuyện cổ tích, trầm lắng, tha thiết, ngọt ngào. Mỗi câu thơ đều có từ “*Đất nước*” và do đó, cả bốn câu bị chi phối, bị cuốn hút, bị bện chặt bởi cái chủ đề đất nước. Những câu thơ dài, mệnh mông, không có sự hiệp vần. Nó là một câu chuyện kể.

+ Đoạn thơ mở đầu bình dị tạo nên một sự gần gũi thân thiết chứ không trang trọng đồng dạng như Nguyễn Trãi trong “*Bình Ngô Đại Cáo*”. Đất nước trong trừu tượng, nó ở ngay trong cuộc sống của chúng ta. Từ lời kể của Mẹ, miếng trâu của bà cho đến phong tục tập quán rất riêng (“*tóc bới sau đầu*”). Đất nước là tình nghĩa thủy chung của cha mẹ, là hạt gạo ta ăn hàng ngày, là cái kèo, cái cột trong nhà v.v ...

+ Hai câu thơ đóng và khép của đoạn đầu tạo dựng được không khí.

“*Khi ta lớn lên*” là thời điểm hiện tại “*Đất nước đã có rồi*” là thời gian quá khứ. “*Đất nước có từ ngày đó*” là đối tượng vào dòng thời gian hun hút xa xăm. Điều khẳng định về đất nước là “*Có rồi*” “*Có từ ngày đó*” “*Có trong những cái ngày xưa ngày xưa*” ... Đất nước vừa cụ thể vừa huyền ảo.

+ Tiếp đó là sự nhận cảm Đất nước từ các phương diện địa lý – lịch sử. Tác giả định nghĩa Đất nước không giống các nhà chuyên môn về lịch sử – địa lý đã dành mà cũng không định nghĩa theo hướng khái quát trong “*Bình Ngô Đại Cáo*” của Nguyễn Trãi.

Tác giả chia cắt thành tố “*Đất*” và “*Nước*” trong bản thân từ “*Đất nước*”. Cách chiết từ này có thể dẫn tới sự giải thích sai lầm hoặc giản đơn hoá khái niệm. Nhưng tư duy nghệ thuật lại làm cho định nghĩa đất nước trở nên vô cùng sinh động và độc đáo (đất nước đã được cụ thể hoá cao độ và đem đến một thông báo rất mới mẻ có tác động đến tình cảm thẩm mỹ cao).

- Đất nước được cảm nhận trên phương diện không gian và thời gian, địa lý và lịch sử:

*Thời gian dằng dẵng
Không gian mênh mông*

Từ huyền thoại:

*Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng*

Cho đến truyền thuyết vua Hùng và ngày giỗ Tổ (10-3 âm lịch).

*Hàng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ*

(Truyền thuyết vua Hùng đã được nhắc lại ở phần hai của bài thơ: Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất Tổ Hùng Vương).

Kết hợp với sự khẳng định “*Đã có rồi*” ở trên kia, tác giả muốn nói lên bề dày, chiều sâu lịch sử của nước Việt nam chúng ta.

Về mặt *không gian địa lý* đất nước không chỉ là núi rừng:

“*Con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc*” không chỉ là biển cả: “*Con cá ngư ông móng nước biển khơi*” mà còn là cái không gian rất gần gũi với cuộc sống mỗi người.

*Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm*

Đó là nơi nảy nở tình yêu lứa đôi.

Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm (một không gian rất nhỏ, chỉ có hai người biết, hai người hay). Đó cũng là *không gian* sinh tồn của cộng đồng dân tộc qua bao nhiêu *thời gian*, bao nhiêu thế hệ:

*Những ai đã khuất
Những ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái
Gánh vác phần người đi trước để lại
Dặn dò con cháu chuyện mai sau*

Tác giả đã sử dụng những câu ca dao, những nội dung của truyền thuyết dân gian với một ngôn ngữ rất tự nhiên nhuần nhị. Chính vì thế mà những câu thơ vừa có cá tính sáng tạo mới mẻ vừa mang nét gần gũi thân thương.

- *Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*

- *Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm*

(Bài ca dao: “*Khăn thương nhớ ai, khăn rơi xuống đất*” ...)

+ Tìm giá trị của đất nước trên cái khoảng rộng của không gian và cái chiều dài chiều sâu của thời gian (một không gian có tính chất địa lý và một thời gian có tính chất lịch sử). Đất nước là sự thống nhất các phương diện văn hoá truyền thống, phong tục các đời thường hàng ngày và cái vĩnh hằng mãi mãi, giữa sự sống của cá thể và sự sống của cộng đồng...

Ý thơ tập trung vào tụ điểm cuối cùng của tư tưởng trong *Phần một* của bài thơ.

Trong anh và em hôm nay

Đều có một phần của đất nước

Thì ra đất nước có trong mỗi cá nhân, đất nước kết tinh trong mỗi con người. Bởi vì mỗi cá nhân không chỉ là riêng mình mà còn là của đất nước. Mỗi cuộc đời đều thừa hưởng được những giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc. Cho nên tác giả nhấn nhủ chúng ta phải có trách nhiệm với đất nước. Lời nhấn nhủ ấy là với “em” nên nó có tính chất tâm sự riêng tư không lên gân giả tạo theo kiểu “giáo huấn”.

Em ơi em Đất nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên đất nước muôn đời...

3/ Phần thứ hai của bài thơ:

Tư tưởng cơ bản của phần này là tư tưởng *đất nước* của nhân dân.

+ Cách nhìn những thắng cảnh của địa lý có chiều sâu của sự phát hiện mới mẻ (Những người vợ ... núi sông ta).

- Cảnh thiên nhiên kỳ thú đã gắn bó máu thịt với đời sống dân tộc. Nó được những thế hệ, những lớp người đi trước tiếp nhận và cảm thụ qua tâm hồn, qua cảnh ngộ của những hoàn cảnh, của những cuộc đời, của lịch sử dân tộc. Nếu không có người vợ chờ chồng trong những cuộc chiến tranh li tán thì không có Đá Vọng Phu. Nếu không có truyền thuyết vua Hùng dựng nước thì không cảm nhận được sự linh thiêng và hùng vĩ của cảnh quan núi đồi trùng điệp....

Đoạn thơ đã khái quát:

“Và ở đâu trên khắp ruộng gò bãi... núi sông ta”

+ Tác giả “nhìn vào bốn nghìn năm *Đất Nước*” không điểm lại các thời đại hào hùng như Nguyễn Trãi (trải từ Triệu, Đinh...) như Chế Lan Viên (nước Việt Nam nghìn năm Đinh, Lý, Trần, Lê, thành nước Việt nhân dân trong mát suối) mà nhấn mạnh đến vô vàn những con người vô danh.

Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi

Họ đã sống và chết

Giản dị và bình dân

Không ai nhớ mặt đặt tên

*Nhưng họ đã làm ra *Đất nước**

+ Tư tưởng cốt lõi và tụ điểm là ở phần cuối.

*“Đất nước này là *Đất nước nhân dân*”*

- Vì là của nhân dân nên nó là “*Đất Nước của ca dao thần thoại*”. Đây là một định nghĩa giản dị mà khá độc đáo.

- Tác giả chọn ba dẫn chứng trong ca dao thần thoại để nói về truyền thống của nhân dân, của dân tộc.

+ “*Yêu em từ thuở trong nôi*” tức là tình yêu rất đắm say.

“*Biết quý công cầm vàng...*” là biết quý trọng tình nghĩa.

“*Biết trồng tre*” ... nhắc tới tích Thánh Gióng để nói đến sự quyết liệt trong căm thù và trong chiến đấu. (Huy Cận đã từng phát hiện đức tính có vẻ như đối lập này của dân tộc Việt Nam:

*“Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa
Trong và thực sáng hai bờ suy tưởng
Sống hiền ngang mà nhân ái chan hòa”*

Mặc dầu bốn ngàn năm chưa hề ngơi tắt ngọn lửa chiến tranh, nhiệm vụ chiến đấu luôn luôn sẵn sàng trong mọi thế hệ người Việt. Cái gì đã tạo cho nước Việt Nam tồn tại mà không xóa nhòa bản sắc của mình? Cái gì đã tạo cho con người Việt Nam có một truyền thống văn hiến rực rỡ? Chính là Nhân dân Việt Nam đã sống rất đôn hậu, đời thường, sống giàu tình nghĩa ngay cả những khi hoàn cảnh lịch sử *phá vỡ* đời sống bình thường đó. Dân Việt Nam phản ứng quyết liệt khi có kẻ thù nhưng họ không phải là kẻ hiếu chiến: “*Trồng tre*” là để tự vệ chứ không phải ưa đổ máu!

+ Tư tưởng “*Đất nước của nhân dân*” đã có từ rất lâu. Đến những vần thơ của Nguyễn Đình Thi, Hoàng Cầm... đã hình thành rất rõ. Nhưng đến thời kỳ chống Mĩ tư tưởng này được Nguyễn Khoa Điềm nhận thức sâu sắc hơn, thấm thía hơn bởi vai trò cũng như sự đóng góp hi sinh vô bờ bến của nhân dân trong cuộc chiến tranh lâu dài và ác liệt này.

4/ *Đất nước là bài thơ trữ tình – chính luận:*

Nó có sự kết hợp hai yếu tố hữu cơ cho nên làm tập trung và nổi rõ tư tưởng của tác giả.

+ Tác giả thành công trong việc tạo ra không khí giọng điệu, không gian và thời gian thích hợp để đưa vào thế giới gần gũi, bay bổng của ca dao dân ca, của truyền thuyết và đời sống văn hóa của dân tộc. Đồng thời cũng cảm nhận một tư duy mới mẻ và hiện đại trong những câu thơ phóng khoáng, tự do (điều đặc biệt là bài thơ rất ít vần, nó có “*chất thơ*” nhờ vào việc xây dựng hình ảnh, vào giọng điệu trầm bổng và chuyển đổi...).

+ Tuy nhiên nhiều chỗ chất trữ tình và chính luận không kéo dính với nhau khiến cho khi bài thơ khá nặng nề, khi thì cảm xúc tràn lan dường như không kiểm soát được.

Nhiều chỗ còn trùng lặp, dàn trải, nhiều hình ảnh và cách lí giải chưa thật sự mới mẻ và sâu sắc.

B. LUYỆN TẬP

ĐỀ 1: Phân tích đoạn trích “*Đất nước*” (Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) của Nguyễn Khoa Điềm.

* Gợi ý

I. Nguyễn Khoa Điềm là một trong những bài thơ tiêu biểu cho thế hệ trẻ những năm chống Mĩ – thế hệ có những đóng góp nổi bật vào thơ ca Việt Nam những năm này, đã đem đến cho thơ tiếng nói trữ tình của tuổi trẻ (Lê Anh Xuân, Nguyễn Mỹ, Bằng Việt, Xuân Quỳnh, Vũ Quần Phương, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Nguyễn Khoa Điềm, Thanh Thảo, Hữu Thỉnh v.v...). Trong thơ của lớp nhà thơ này nổi bật lên sự tự ý thức của tuổi trẻ về vai trò,

trách nhiệm của mình trong cuộc chiến đấu và sự tự ý thức sâu sắc về đất nước, về nhân dân qua những trải nghiệm của chính mình.

- Trong thơ thời chống Mĩ, chủ đề Đất nước vốn là chủ đề bao trùm. Những cảm nhận về Đất nước của các nhà thơ trẻ thời kỳ này có những nét riêng biệt mang dấu ấn của sự trải nghiệm bằng chính cuộc sống của mình. Đặc biệt ở thơ, những cây bút trực tiếp cầm súng (Tre Việt Nam của Nguyễn Duy, Lửa đèn của Phạm Tiến Duật, trường ca Những người đi tới biển của Thanh Thảo, Đường tới thành phố của Hữu Thịnh...)

- Trong sự cảm nhận về Đất nước của các nhà thơ trẻ chống Mĩ cốt lõi là tư tưởng về nhân dân: Nhân dân là người tạo dựng nên Đất nước, là người gánh chịu những gian lao làm nên chiến công vĩ đại mà hết sức thầm lặng, vô danh.

“*Đất nước*” là chương V trong trường ca Mặt đường khát vọng: sự thức tỉnh của thế hệ trẻ các thành thị miền Nam, và rộng ra, sự tự nhận thức của tuổi trẻ Việt Nam trong những năm chiến tranh này là đi đến sự lựa chọn quyết định: đứng về phía nhân dân, Tổ quốc, chia sẻ vận mệnh và trách nhiệm với dân tộc trong cuộc đấu tranh thiêng liêng để giải phóng và bảo vệ Đất nước.

Cái riêng biệt, độc đáo của đoạn thơ này là sự cảm nhận, phát hiện về Đất nước trong một cái nhìn tổng hợp, toàn vẹn, mang đậm tư tưởng nhân dân, sử dụng phong phú các yếu tố của văn hóa, văn học dân gian một cách sáng tạo và rất thích hợp với tư tưởng nhân dân của tác phẩm

II. PHÂN TÍCH:

1/ Cảm nhận về Đất nước:

a) Đoạn thơ về Đất nước bắt đầu một cách rất bình dị, tạo một sự gần gũi, thân thiết mà không bắt đầu một cách trang trọng. Đất nước ở ngay trong cuộc sống của mỗi gia đình chúng ta, từ lời kể chuyện của người mẹ, miếng trầu của bà, các phong tục tập quán quen thuộc (tóc mẹ thì bới sau đầu) cho đến tình nghĩa thủy chung của cha mẹ, hạt gạo ta ăn hàng ngày, cái kèo cái cột trong nhà... Tất cả những điều đó làm cho Đất nước trở thành cái gần gũi, thân thiết, bình dị trong cuộc sống hằng ngày của con người:

“Khi ta lớn lên Đất nước đã có rồi

Đất nước có trong những cái ngày xưa ngày

xưa mẹ thường hay kể.

Đất nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc”.

b) Tiếp đó là sự cảm nhận Đất nước từ các phương diện địa lý – lịch sử. Tác giả khai thác các thành tố của Đất nước. Việc tìm về từ gốc của từ Đất nước là để khai thác cách quan niệm có nét riêng biệt của dân tộc ta về khái niệm này. Ở nhiều ngôn ngữ khác, Đất nước thường được cấu tạo từ những gốc là nơi sinh, quê hương... Nhưng trong tiếng Việt, Đất nước gồm hai yếu tố hợp thành “Đất” và “Nước”. Cách truy tìm từ gốc, cách “chiết tự” có thể dẫn đến nguy cơ hiểu sai lạc ý nghĩa, hoặc máy móc giản đơn khi giải thích các khái niệm khoa học. Nhưng ở đây, tư duy nghệ thuật cho phép cách phân tích và cảm nhận theo các phương diện không gian và thời gian, địa lý và lịch sử (Thời gian đằng đẵng – Không gian mênh mông). Từ huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ, truyền thuyết Hùng Vương và ngày giỗ Tổ đã nói lên chiều sâu lịch sử của Đất nước Việt Nam. Về mặt không gian địa lý, Đất nước không chỉ là núi sông, rừng bể (con chim Phượng Hoàng... con cá Ngư Ông...) mà

còn là cái không gian rất gần gũi với cuộc sống mỗi người. “*Đất là nơi anh đến trường, Nước là nơi em tắm. Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm*” – Và cũng là không gian sinh tồn của cộng đồng dân tộc qua bao thế hệ (Những ai đã khuất. Những ai bây giờ. Yêu nhau và sinh con đẻ cái. Gánh vác phần người đi trước để lại. Dặn dò con cháu chuyện mai sau...).

Tác giả sử dụng sáng tạo các yếu tố của ca dao, truyền thuyết dân gian. Có lúc lấy lại từng phần của câu ca dao, nhưng phần nhiều là sử dụng ý, hình ảnh tạo nên hình tượng thơ mới, vừa gần gũi vừa mới mẻ (cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn... Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm...)

Ở trên chiều rộng của không gian địa lí và chiều dài của thời gian lịch sử. Đất nước được cảm nhận như sự thống nhất các phương diện văn hóa, truyền thống, phong tục, cái hàng ngày và cái vĩnh hằng, trong đời sống mỗi cá nhân và cả cộng đồng...

c) Đến đây, ý thơ dẫn đến điểm tập trung những suy nghĩ, cảm xúc về Đất nước, cũng là điểm mấu chốt của tư tưởng, phần một của bài:

“Trong anh và em hôm nay – Đều có một phần Đất nước”

Đất nước không ở đâu xa mà kết tinh, hóa thân trong cuộc sống của mỗi con người. Sự sống mỗi cá nhân không chỉ là riêng của cá nhân mà còn là của Đất nước, bởi mỗi cuộc đời đều được thừa hưởng những di sản văn hóa tinh thần và vật chất của dân tộc, của nhân dân, mỗi cá nhân phải có trách nhiệm gìn giữ, phát triển nó, truyền lại cho các thế hệ tiếp theo.

Đoạn thơ kết thúc bằng một lời nhắn nhủ với thế hệ trẻ về trách nhiệm với đất nước, tuy là đoạn thơ chính luận nhưng người đọc không cảm thấy là những lời “giáo huấn” mà chỉ như một lời tự nhủ, tự dặn mình, chân thành, tha thiết...

“Em ơi em, Đất nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên đất nước muôn đời...”

2/ Tư tưởng Đất nước của nhân dân

Tư tưởng cơ bản của phần này là tư tưởng Đất nước của nhân dân.

Đây là điểm qui tụ mọi cách nhìn về Đất nước trong phần này, cũng là đóng góp của Nguyễn Khoa Điềm làm sâu sắc thêm ý niệm về Đất nước của thơ chống Mĩ.

a) Cách nhìn của tác giả về những thắng cảnh, về địa lí là một cách nhìn có chiều sâu và là một phát hiện mới mẻ (đoạn đầu của phần hai, từ “những người vợ nhớ chồng...” đến “Những cuộc đời đã hóa núi sông ta...”). “Những cảnh quan thiên nhiên kì thú (đá Vọng Phu, núi Con Cóc, núi Con Gà hay hòn Trống Mái v.v...) gắn liền với con người, được tiếp nhận, cảm thụ qua tâm hồn và lịch sử dân tộc. Nếu không có người vợ chờ chồng qua các cuộc chiến tranh và li tán thì cũng không có sự cảm nhận về núi Vọng Phu, cũng như thế nếu không có truyền thuyết Hùng Vương dựng nước thì cũng không thể có sự cảm nhận như vậy về vẻ hùng vĩ của vùng núi đồi xung quanh đền vua Hùng...) Đoại thơ bằng cách qui nạp hàng loạt hiện tượng để đưa đến một khái niệm sâu sắc: “Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi, chẳng mang một hình dáng, một ao ước, một lối sống ông cha. Ôi đất nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy, những cuộc đời đã hóa núi sông ta...”

b) Khi nghĩ về bốn nghìn năm của đất nước, nhà thơ không điểm lại các triều đại, các anh hùng nổi tiếng mà nhấn mạnh đến vô vàn những con người vô danh, bình dị:

*Có biết bao nhiêu người con gái con trai
Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết,
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất nước*

Tiếp đó bài thơ khai triển thêm ý này: Những con người vô danh và bình dị ấy đã giữ gìn và truyền lại cho các thế hệ sau mọi giá trị văn hóa, văn minh tinh thần và vật chất của đất nước, của dân tộc: hạt lúa, ngọn lửa, tiếng nói, ngôn ngữ dân tộc, cả tên xã tên làng... Họ cũng là những người khi “có ngoại xâm thì chống ngoại xâm, có nội thù thì vùng lên đánh bại”

*“Họ đã giữ và truyền cho ta hạt giống ta trồng
Họ truyền lửa cho mỗi nhà, từ hòn than qua rơm con cúi
Họ truyền giọng điệu của mình cho con tập nói
Họ gánh theo tên xã tên làng trong mỗi cuộc di dân”*

Nói đến Đất nước và dân tộc là nói đến lãnh thổ chủ quyền và văn hóa. Nhưng tất cả các giá trị đó lại được tạo nên bởi người, bởi nhân dân. Trong từng tấc đất, từng di tích lịch sử, từng câu hò xứ sở, quan họ quê hương... đâu đâu cũng hiện lên bóng dáng nhân dân – giá trị cao nhất trong mỗi giá trị – “Nhân dân vô danh nhưng thật là vĩ đại – Họ đã làm ra mọi của cải giá trị vật chất tinh thần, làm ra đất nước”.

c) Mạch suy nghĩ của bài thơ dẫn đến tư tưởng cốt lõi. Điểm hội tụ và cũng là cao điểm của cảm xúc trữ tình ở cuối đoạn trích này. “Đất nước này là Đất nước của Nhân dân” Cũng từ điểm này chúng ta hiểu thêm những ý thơ trên. Và khi nói đến Đất nước của Nhân dân, một cách tự nhiên, tác giả trở về với nguồn phong phú đẹp đẽ của văn hóa, văn học dân gian mà tiêu biểu là trong ca dao. Vẻ đẹp tinh thần của nhân dân, hơn đâu hết, có thể tìm thấy ở đó trong ca dao, dân ca, truyện cổ tích. “Đất nước của Nhân dân, Đất nước của ca dao thần thoại”. Câu thơ ở hai vế song song, đồng đẳng là một cách định nghĩa về Đất nước... thật giản dị mà cũng thật độc đáo. Trong cả kho tàng ca dao, dân ca, ở đây tác giả chỉ chọn lọc ba câu để nói về ba phương diện quan trọng nhất của truyền thống nhân dân, dân tộc: thật say đắm trong tình yêu (yêu em từ thuở trong nôi) quý trọng tình nghĩa (quý công cầm vàng những ngày lặn lội) nhưng cũng thật quyết liệt trong căm thù và chiến đấu (trồng tre đợi ngày thành gậy, đi trả thù mà không sợ dài lâu...)

Chúng ta gặp lại cách vận dụng vốn ca dao dân ca một cách sáng tạo, không lặp lại nguyên văn mà chỉ sử dụng ý và hình ảnh của câu ca dao, vẫn gợi nhớ đến câu ca dao nhưng lại trở thành một câu, một ý thơ gắn bó trong mạch thơ của bài.

Tư tưởng Đất nước của Nhân dân thật ra đã có manh nha từ trong lịch sử xa xưa. Những nhà tư tưởng lớn, những nhà văn lớn dân tộc đã từng nói lên nhận thức về vai trò của nhân dân trong lịch sử (Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu) hoặc cảm thông sâu sắc với số phận của nhân dân, của mọi lớp người trong nhân dân (Nguyễn Du với văn Chiêu hồn, Truyện Kiều). Đến nền văn học hiện đại, được soi sáng bằng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, bằng quan điểm Mác-xít về nhân dân và nảy nở từ trong thực tiễn vĩ đại của cuộc

cách mạng mang tính nhân dân sâu sắc, văn học từ sau Cách mạng Tháng Tám đã đạt đến một nhận thức sâu sắc về nhân dân và cảm hứng về đất nước mang tính dân chủ cao. (Thơ ca kháng chiến chống Pháp là một ví dụ tiêu biểu. Có thể nhớ đến các bài: Tình sông núi của Trần Mai Ninh, Đất nước của Nguyễn Đình Thi, Bên kia sông Đuống của Hoàng Cầm...). Đến giai đoạn chống Mỹ, tư tưởng Đất nước của Nhân dân một lần nữa được nhận thức sâu sắc thêm bởi vai trò và những đóng góp to lớn, những hi sinh vô vàn của nhân dân trong cuộc chiến tranh dài lâu và cực kỳ ác liệt này.

Tư tưởng ấy được các nhà thơ chống Mỹ phát biểu một cách thấm thía qua sự trải nghiệm của chính mình như những thành viên của nhân dân, cùng chia sẻ mọi gian lao, hi sinh và được che chở, đùm bọc, nuôi dưỡng của nhân dân (Hơi ấm ổ rơm của Nguyễn Duy, các trường ca *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo và Đường tới thành phố của Hữu Thịnh đều tập trung nói về những gương mặt của các con người bình thường, vô danh trong nhân dân và không phải ngẫu nhiên mà đều bắt đầu bằng hình ảnh người mẹ).

Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm góp thêm một thành công trong dòng thơ về Đất nước thời chống Mỹ, làm sâu sắc thêm nhận thức về Nhân dân và Đất nước.

Kết luận: Thành công của bài Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm còn là việc tạo ra một không khí, một giọng điệu, một không gian nghệ thuật riêng. “Đất nước” đưa ta vào thế giới gần gũi, mỹ lệ và bay bổng của ca dao, truyền thuyết, của văn hóa dân gian nhưng lại mới mẻ, qua cảm nhận và tư duy hiện đại, qua hình thức thơ tự do. Đó chính là nét đặc sắc thẩm mỹ, thống nhất với tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân, Đất nước của ca dao thần thoại” của bài thơ.

Đất nước là đoạn thơ trữ tình – chính luận. Chất chính luận ở đây cũng như trong toàn trường ca “Mặt đường khát vọng” là nằm trong ý đồ tư tưởng của tác giả: thức tỉnh tinh thần dân tộc của thế hệ trẻ thành thị miền Nam, để dứt khoát trong sự lựa chọn đứng về phía nhân dân và cách mạng, trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt. Đoạn thơ thể hiện được chỗ mạnh của thơ Nguyễn Khoa Điềm: kết hợp cảm xúc và suy nghĩ, chính luận và trữ tình. Tuy nhiên, nhược điểm của đoạn thơ này cũng khá rõ: chính luận có chỗ còn nặng nề, lấn áp cảm xúc, nhiều ý triển khai còn trùng lặp, dàn trải trong mỗi đoạn chưa thật cô đọng để gây ấn tượng tập trung, thêm nữa nội dung chính luận không phải chỗ nào cũng mới mẻ và sâu sắc.

ĐỀ 2: Bình giảng:

a) “*Và ở đâu ... núi sông ta*”

b) “*Trong anh và em ... muôn đời*”

(Học sinh tự soạn)

* * *